TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**
- Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Xuân**
Ông **Hồ Văn Tài**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Hồ Thị Sương** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phương Dung -** Kiểm sát viên

Vào ngày 23/7/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 651/2020/TLST- HNGĐ ngày 11/12/2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp 3, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn*: Ông **Trần P**, sinh năm: 1972

Địa chỉ: : ấp 3, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H, ông P vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, bà và ông Trần P chung sống với nhau năm 1992 đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân do ông P tH xuyên cờ bạc và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bà ông P đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Thời gian ly thân bà và ông P đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không có kết

quả. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông P có 05 con chung là cháu Trần N, sinh ngày 13/6/1993, cháu Trần Đ, sinh ngày 27/12/1994, cháu Trần Thị Mỹ Nga, sinh ngày 18/4/1998, cháu Trần Quốc A, sinh ngày 04/8/2002 và cháu Trần Quốc Hùng, sinh ngày 23/5/2009. Khi ly hôn đối với cháu Nhật, cháu Đức và cháu Nga đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trần Quốc A và cháu Trần Quốc Hùng. Bà không yêu cầu ông Trần P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Trần P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo ông cuộc sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng đôi lúc xảy ra bất hòa cãi vả, nhưng ông luôn cố gắng nH nhịn, bà H tính tình nóng nảy nên đối lúc làm cho vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà H đã dọn ra khỏi nhà sống 02 năm nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà H, nếu bà H muốn đoàn tụ thì ông vẫn đón nhận. Nếu bà H kiên quyết ly hôn thì để bà H được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 05 con chung là cháu Trần N , sinh ngày 13/6/1993, cháu Trần Đ, sinh ngày 27/12/1994, cháu Trần Thị Mỹ Nga, sinh ngày 18/4/1998, cháu Trần Quốc A, sinh ngày 04/8/2002 và cháu Trần Quốc Hùng, sinh ngày 23/5/2009. Khi ly hôn đối với cháu Nhật, cháu Đức và cháu Nga đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Quốc Anh và cháu Hùng ông đồng ý giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng. Nếu bà H không nuôi dưỡng 02 con chung thì ông sẽ nuôi dưỡng 02 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ P luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định P luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai của đương sự, Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo P luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà H yêu cầu ly hôn với ông P, xét thấy mâu thuẫn của ông bà đã trầm trọng nên chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông P. Về con chung: Ông bà có 05 con chung là cháu Trần N, sinh ngày 13/6/1993, cháu Trần Đ, sinh ngày 27/12/1994, cháu Trần Thị Mỹ Nga, sinh ngày 18/4/1998, cháu Trần Quốc A, sinh ngày 04/8/2002 và cháu Trần Quốc Hùng, sinh ngày 23/5/2009. Khi ly hôn đối với cháu Nhật, cháu Đức và cháu Nga đã trưởng thành và có khả năng

lao động nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Đối với 02 cháu Trần Quốc A và Trần Quốc Hùng ông bà thống nhất giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ghi nhận sự tự nguyện. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Phạm Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Trần P, do đó xác định bà H là nguyên đơn, ông P là bị đơn.

[**2] Về thủ tục tố tụng**: Bà Phạm Thị H và ông Trần P có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt bà H và ông P tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Trần P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được P luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H nhận thấy: Bà H cho rằng cuộc Vợ chồng chung không hạnh phúc nguyên nhân do ông P tH xuyên cờ bạc và có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Ông P thừa nhận trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng đôi lúc xảy ra bất hòa cãi vả, nhưng ông luôn cố gắng nH nhịn, bà H tính tình nóng nảy nên đối lúc làm cho vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau. Bà H yêu cầu ly hôn với ông, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà H, nếu bà H muốn đoàn tụ thì ông vẫn đón nhận. Xét thấy, thời gian ly thân của ông bà đã lâu, bản thân ông bà đã hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án bà H làm đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vì do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy nên chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông P là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông bà có 05 con chung là cháu Trần N, sinh ngày 13/6/1993, cháu Trần Đ, sinh ngày 27/12/1994, cháu Trần Thị Mỹ Nga, sinh ngày 18/4/1998, cháu Trần Quốc A, sinh ngày 04/8/2002 và cháu Trần Quốc Hùng, sinh ngày 23/5/2009. Khi ly hôn đối với cháu Nhật, cháu Đức và cháu Nga đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Đối với 02 cháu Trần Quốc A và Trần Quốc Hùng ông bà thống nhất giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ghi nhận sự tự nguyện.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[6] Về nợ chung: Không có, nên không giải quyết.

[**7] Về án phí**: Bà Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

-Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Trần P

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Quốc A, sinh ngày 04/8/2002 và cháu Trần Quốc Hùng, sinh ngày 23/5/2009 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trần P.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được P luật công nhận và bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003429 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Bà Phạm Thị H và ông Trần P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

***Nơi nhận**:*
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã, thị trấn
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly